SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN NỘI TIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 561/QĐ-BVNT

Cẩm Thành, ngày 15 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự toán mua sắm vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm bảo đảm hoạt động thường xuyên để phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật đấu thầu 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội khóa XV; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của quốc hội khóa XV sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Văn bản hợp nhất Nghị định số 36/2026/VBHN-NĐ-BTC ngày 23/9/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý trang thiết bị;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/09/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT- BTC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 08/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Nghị quyết Quy định thẩm quyền quyết

định mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 2346/QĐ-SYT ngày 31/12/2025 của Sở Y tế Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi nguồn thu hoạt động sự nghiệp tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế năm 2026;

Trích Biên bản họp Hội đồng Khoa học kĩ thuật ngày 09/10/2026 về việc thống nhất với Danh mục số lượng vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm bảo đảm hoạt động thường xuyên để phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-BVNT ngày 14/10/2026 của Giám đốc Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Danh mục chi tiết, dự toán mua sắm vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm bảo đảm hoạt động thường xuyên để phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi năm 2026;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 03/TTr-KD ngày 14/10/2026 của Khoa Dược – TBYT&KSNK về việc xin phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Gói thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm bảo đảm hoạt động thường xuyên để phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự toán mua sắm vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm bảo đảm hoạt động thường xuyên để phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi năm 2026, với nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Khoa Dược – TBYT&KSNK có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của luật đấu thầu, các quy định của pháp luật hiện hành, kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt; đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn kĩ thuật, chất lượng, phục vụ kịp thời công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân và chịu trách nhiệm tính chính xác về cơ sở pháp lý các nội dung tham mưu cho Giám đốc Bệnh viện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Phòng TCHC – TCKT; Khoa Dược - TBYT&KSNK và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Giám đốc và các PGĐ;
- Các Khoa, Phòng thuộc BV;
- Lưu: VT, HST, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TỈNH QUẢNG NGÃI

Lê Văn Phương

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO, HÓA CHẤT, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN ĐỂ PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH CỦA BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 561/QĐ-BVNT ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	Mua sắm vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm bảo đảm hoạt động thường xuyên để phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi năm 2026	Mua sắm vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm bảo đảm hoạt động thường xuyên để phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi năm 2026	**1,997,360,268 đồng**	Nguồn thu sự nghiệp theo Quyết định số 2346/QĐ-SYT ngày 31/12/2025 của Sở Y tế Quảng Ngãi và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	Chào hàng trực tuyến rút gọn, trong nước, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý IV 2026	Đơn giá cố định	06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	không áp dụng
Tổng giá gói thầu: 1,997,360,268 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn)* ***Giá trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí bốc xếp vận chuyển đến kho chính của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi và các chi phí khác có liên quan***												

PHỤ LỤC

DANH MỤC CHI TIẾT THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO, HÓA CHẤT, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN ĐỂ PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH CỦA BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 561/QĐ-BVNT ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên vật tư, hóa chất	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Thuốc thử xét nghiệm miễn dịch định lượng nồng độ T4 tự do	Thành phần chính: •○ R1: Mouse anti-T4 monoclonal antibody (0.04~4) µg / mL ; Magnetic microparticles (0.2 ~ 1) mg/mL. •○ R2: T3 labeled with acridinium ester (0.001 ~ 0.1) µg/ mL •○ R3: Tris Buffer •○ Cal1: Thyroxine antigen •○ Cal2: Thyroxine antigen Hộp: 2 lọ x 100 Tests	Hộp	IM4404054	FT4 (CLIA)	Maccura Biotechnology Co., Ltd	Trung Quốc	119	5,842,000	695,198,000	
2	Thuốc thử xét nghiệm miễn dịch định lượng nồng độ TSH	Thành phần chính: •○ R1: Mouse anti-TSH monoclonal antibody (1~5) µg / mL ; Magnetic microparticles (0.2 ~ 1) mg/mL •○ R2: TSH monoclonal antibody (mouse) labeled with a cridinium ester (0. 1 ~ 0.5) µg/ mL •○ Cal1: TSH recombinant antigen •○ Cal2: TSH recombinant antigen Hộp: 2 lọ x 100 Tests	Hộp	IM4404055	TSH (CLIA)	Maccura Biotechnology Co., Ltd	Trung Quốc	119	5,842,000	695,198,000	
3	Dung dịch đệm chất nền dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Thành phần chính: • ○ A: H2O2, Nitric acid; •○ B: NaOH, Surfactant; Hộp: A: 1 chai x 500 mL; B: 1 chai x 500 mL.	Hộp	IM4402451	Chemiluminescence Analyzer Substrate Buffer	Maccura Biotechnology Co., Ltd	Trung Quốc	16	5,200,000	83,200,000	
4	Bộ thuốc thử định lượng Hemoglobin	Khả năng thực hiện xét nghiệm: xác định định lượng Hemoglobin A1c (IFCC mmol/mol và NGSP %) trong máu toàn phần của người sử dụng trên hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao trao đổi ion (HPLC). Bộ hóa chất bao gồm: Buffer 1: 2 x 2000ml Buffer 2: 1000 mL Wash/Diluent Solution: 1600 mL Calibrator/Diluent Set: Chứa 3 lọ Calibrator Level 1, 3 lọ Calibrator Level 2, 1 hộp Calibrator Diluent.	Bộ	12000949	D-10 Hemoglobin A1c Program	Bio-Rad Laboratories, Inc	Hoa Kỳ	4	23,000,000	92,000,000	
5	Acid Uric	Tuyến tính trong dải nồng độ từ ≤ 89 đến ≥ 1785 µmol/L (1.5 – 30 mg/dL) đối với huyết thanh và huyết tương. Hộp 4x30+4x12,5	Hộp	OSR6198	URIC ACID	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	1	5,890,500	5,890,500	

STT	Tên vật tư, hóa chất	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
6	Glucose	Dải đo: từ ≤ 0.6 đến ≥ 45 mmol/L; phương pháp: Hexokinase. Hộp: 4x53ml +4x27ml	Hộp	OSR6221	GLUCOSE	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	5	5,342,400	26,712,000	
7	ALT	Phương pháp: IFCC. Thành phần: Thành phần: Đệm Tris, pH 7,15 (37ºC) 100 mmol/L, L-alanin 500 mmol/L, 2-Oxoglutarat 12 mmol/L, LDH ≥ 1,8 kU/L, NADH 0,20 mmol/L, Pyridoxal phosphat (P-5-P) 0,1 mmol/L. Xét nghiệm tuyến tính trong dải hoạt tính của enzyme từ ≤ 3 đến ≥ 500 U/L. Hộp 4x50ml +4x25ml	Hộp	OSR6107	ALT	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	6	3,742,200	22,453,200	
8	AST	Dải đo: từ ≤ 3 đến ≥ 1000 U/L; phương pháp: IFCC. Hộp 4x25ml +4x25ml	Hộp	OSR6109	AST	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	5	3,738,000	18,690,000	
9	Calcium	Dải đo: từ ≤ 1 đến ≥ 5 mmol/L; phương pháp: Arsenazo 3. Hộp: 4x29ml	Hộp	OSR61117	CALCIUM ARSENAZO	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	2	5,822,040	11,644,080	
10	Gamma GT	Hóa chất đậm đặc, phương pháp IFCC thực hiện được cho mẫu bệnh phẩm huyết thanh, chống đông heparin. Dải đo: từ ≤ 5 đến ≥ 1200 U/L; Hộp 4x18ml + 4 x18ml.	Hộp	OSR6020	GGT	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4	2,298,240	9,192,960	
11	Cholesterol	Dải đo: từ ≤ 0.5 đến ≥ 18 mmol/L; phương pháp: CHO-POD. Hộp: 4 x45 ml	Hộp	OSR6216	CHOLESTEROL	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	4	5,609,520	22,438,080	
12	Tryglycerid	Phương pháp đo GK/GPO/POD; Dải đo: từ ≤ 0.1 đến ≥ 11.3 mmol/L. Hộp 4x50ml +4 x 12,5ml	Hộp	OSR61118	TRIGLYCERIDE	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	4	6,646,500	26,586,000	
13	HDL-Choleserol	Phương pháp: enzymatic Xét nghiệm tuyến tính trong phạm vi nồng độ từ ≤ 0,05 đến ≥ 4,65 mmol/L (từ ≤ 2 đến ≥ 180 mg/dL). Hộp: 4x51,3ml +4x17,1ml	Hộp	OSR6287	HDL-CHOLESTEROL	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Nhật Bản	1	20,281,968	20,281,968	
14	UREA/BUN	Dải đo: từ ≤ 0.8 đến ≥ 50 mmol/L; phương pháp: GLDH, Urease. Hộp 4x53ml +4x53ml	Hộp	OSR6234	UREA/UREA NITROGEN	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	5	7,185,528	35,927,640	

STT	Tên vật tư, hóa chất	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
15	Creatinine	Dải đo: từ ≤ 5 đến ≥ 2200 umol/L; phương pháp: Jaffe Kinetic. Hộp 4 x51ml + 4 x51ml	Hộp	OSR6178	CREATININE	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	5	2,441,880	12,209,400	
16	Wash solution	DD rửa hệ thống. Thành phần: Sodium Hydroxide 1-2%, Genapol X080 1-2%. Bình 1x5l	Bình	ODR2000	Wash Solution	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	5	3,990,000	19,950,000	
17	Thuốc thử cho xét nghiệm đo nồng độ của hoóc-môn kích thích tuyến giáp (TSH) trong huyết thanh hoặc huyết tương.	Thuốc thử R1: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) kháng TSH có gắn nhãn ALP 0.4 U/mL. Thuốc thử R2: chứa vi hạt từ được phủ streptavidin. Thuốc thử R3: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) kháng TSH gắn biotin 9 µg/mL. Hộp 100 test	Hộp	BB-600-695	HISCL TSH Assay Kit	SYSMEX	Nhật Bản	20	3,588,900	71,778,000	
18	Thuốc thử cho xét nghiệm đo nồng độ Thyroxin tự do (FT4) trong huyết thanh hoặc huyết tương.	Thuốc thử R1: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T4 có gắn biotin 75 ng/mL. Thuốc thử R2: chứa vi hạt từ được phủ streptavidin. Thuốc thử R3: chứa T3 gắn nhãn ALP 0.06 U/mL. Hộp 100 test	Hộp	CB-825-811	HISCL FT4 Assay Kit	SYSMEX	Nhật Bản	20	3,589,740	71,794,800	
19	Vật liệu kiểm soát cho các xét nghiệm: TSH, FT3, FT4, PSA, AFP, CEA, CA125, CA19-9, Ferritin, Insulin và CA15-3.	+ Vật liệu kiểm soát đa xét nghiệm miễn dịch Mức 1 : 3 mL × 3 + Vật liệu kiểm soát đa xét nghiệm miễn dịch Mức 2 : 3 mL × 3 Thành phần: có chứa vật liệu có nguồn gốc từ người. Hộp: 3ml × 3 vial x 2 level	Hộp	AJ-255-081	HISCL Immuno Multi Control	SYSMEX	Nhật Bản	1	7,071,000	7,071,000	
20	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT4.	Tất cả chất hiệu chuẩn đều chứa huyết thanh người. + FT4 C0 + FT4 C1 + FT4 C2 + FT4 C3 + FT4 C4 + FT4 C5 Hộp: 1ml x 1 x 6 level	Hộp	054-2381-2	HISCL FT4 Calibrator	SYSMEX	Nhật Bản	1	4,307,940	4,307,940	
21	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm TSH.	Có chứa TSH tái tổ hợp và không có thành phần nào có nguồn gốc từ người. + TSH C0 (TSH 0 µIU/mL) + TSH C1 (TSH 2 µIU/mL) + TSH C2 (TSH 10 µIU/mL) + TSH C3 (TSH 50 µIU/mL) + TSH C4 (TSH 120 µIU/mL) + TSH C5 (TSH 200 µIU/mL) Hộp: 1ml x 1 x 6 level	Hộp	054-2441-9	HISCL TSH Calibrator	SYSMEX	Nhật Bản	1	3,123,000	3,123,000	
22	Bộ cơ chất, sử dụng cho chẩn đoán in-vitro.	- Thuốc thử R4. - Thuốc thử R5: CDP-Star: Disodium 2-chloro-5-(4-methoxyspiro{1,2-dioxetane-3,2'-(5'-chloro)-tricyclo[3.3.1.13,7] decan}-4-yl)-1-phenyl phosphate 0.48mM Hộp: R4: 40ml, R5: 70ml	Hộp	064-4331-9	HISCL Substrate Reagent Set	SYSMEX	Nhật Bản	3	4,040,000	12,120,000	

STT	Tên vật tư, hóa chất	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
23	Dung dịch phân tách B/F (bước rửa) của máy xét nghiệm miễn dịch	Surfactant (Tween20) 0.1% 1,2-Benzisothiazolin-3-one 0.05-1.00% Hộp: 10L	Hộp	054-2361-8	HISCL Washing Solution	SYSMEX	Nhật Bản	2	927,000	1,854,000	
24	Dung dịch rửa đường ống của máy xét nghiệm miễn dịch	Đệm TRIS 0.2%. Hộp: 10L	Hộp	064-4341-6	HISCL Line Washing Solution	SYSMEX	Nhật Bản	11	390,000	4,290,000	
25	Dung dịch rửa kim hút hóa chất cho máy xét nghiệm miễn dịch	Sodium hypochlorite 3.5% Hộp: 2x250 mL	Hộp	054-2541-4	HISCL Probe Washing Solution	SYSMEX	Nhật Bản	3	648,900	1,946,700	
26	Cóng phản ứng cho xét nghiệm miễn dịch	Cuvet cho Hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động HISCL 5000. Hộp: 5000 cái/hộp	Hộp	CP-815-570	HISCL CUVETTE L	SYSMEX	Nhật Bản	1	6,465,000	6,465,000	
27	Đầu côn cho xét nghiệm miễn dịch	Đầu côn cho Hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động HISCL 5000 Hộp: 5000 cái/hộp	Hộp	064-5141-9	HISCL Disposable tip	SYSMEX	Nhật Bản	1	15,038,000	15,038,000	
Tổng cộng: 27 mặt hàng										**1,997,360,268**	